

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTT21BLX** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04026** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Cây lương thực**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTTT0538	Phan Văn An	24/10/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
2	21BTTT0539	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	28/10/2004				6	7				0.0	0.0	2.7
3	21BTTT0540	Nguyễn Gia Bảo	13/09/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTTT0541	Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên	06/09/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTTT0542	Huỳnh Tiến Đạt	29/06/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
6	21BTTT0543	Nguyễn Tiến Đạt	13/05/2006				9	9				9.5		9.3
7	21BTTT0544	Trần Thị Trúc Hà	20/09/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
8	21BTTT0545	Mai Xuân Hằng	11/03/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
9	21BTTT0546	Nguyễn Khả Hân	02/02/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTTT0547	La Hoàng Thảo Nguyên	12/04/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
11	21BTTT0548	Huỳnh Kim Uyên Nhi	25/10/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
12	21BTTT0549	Đoàn Thị Tuyết Nhu	19/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTTT0550	Đỗ Thị Hồng Nhung	11/11/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTTT0551	Phạm Phú Quý	13/09/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
15	21BTTT0552	Phan Ngọc Tinh	28/04/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
16	21BTTT0553	Trần Thị Thảo Trân	14/12/2006				6	7				0.0	0.0	2.7
17	21BTTT0554	Huỳnh Chí Trọng	14/08/2006				5	5				0.0	0.0	2.0
18	21BTTT0555	Trần Ngọc Trọng	17/11/2006				10	9				2.0	5.0	6.7
19	21BTTT0556	Lâm Chí Vĩ	24/11/2005				9	7				10.0		9.1
20	21BTTT0557	Nguyễn Ngọc Như Ý	15/05/2006				0	0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 6 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Huỳnh Kim Tiên